

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 150/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 26 - 5 - 2022

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Hồng Hà

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Văn Công Trọn

Ông Bùi Xuân Minh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Việt Xô là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 26 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 147/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 159/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Anh Trần Văn N, sinh năm 1992; Cư trú: Khóm 5, phường 6, thành phố C, tỉnh C. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

*Bị đơn:* Chị Diệp Thúy T, sinh năm 1995; Cư trú: Ấp C, xã L, huyện T, tỉnh C (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/3/2022, nguyên đơn anh Trần Văn N trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh Trần Văn N và chị Diệp Thúy T kết hôn ngày 19/12/2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lợi An, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng thường xuyên cự cãi; vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân. Do không còn tình cảm với chị T nên anh N yêu cầu được ly hôn với chị T.

- Về con chung: Vợ chồng có một người con chung tên Trần Gia Hưng, sinh ngày 06/4/2015, hiện đang sống cùng với chị T. Khi ly hôn, anh N yêu cầu giao cháu Hưng cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đối với bị đơn chị Diệp Thúy T:* Tòa án đã triệu tập hợp lệ chị T để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tham dự phiên tòa nhưng chị T không có mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của chị T về các nội dung khởi kiện của anh N.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn anh Trần Văn N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn chị Diệp Thúy T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà không có mặt tại phiên tòa (Chị T trực tiếp nhận các văn bản tố tụng của Tòa án). Do đó căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh N và chị T.

[2] Về hôn nhân: Anh Trần Văn N và chị Diệp Thúy T xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa anh N và chị T là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Anh N xác định, do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng thường xuyên cự cãi; vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau; vợ chồng không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân. Hiện nay anh N không còn tình cảm với chị T nên xin ly hôn với chị T.

Về phía chị T, tuy đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham dự phiên tòa nhưng chị T không có mặt, điều này cho thấy chị T không có thiện chí hàn gắn và cũng không còn quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân với anh N.

Do anh N và chị T không thực hiện được nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ và sống chung với nhau nên xác định anh N và chị T đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của anh N, cho anh N và chị T ly hôn là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng có một người con chung tên Trần Gia Hưng, sinh ngày 06/4/2015. Khi ly hôn, anh N yêu cầu giao cháu Hưng cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Xét thấy, từ khi anh N và chị T ly thân đến nay cháu Hưng do chị T trực tiếp nuôi dưỡng; bên cạnh đó, anh N cũng yêu cầu giao cháu Hưng cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của cháu Hưng, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh N, giao cháu Hưng cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do không ghi nhận được ý kiến của chị T về vấn đề cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu sau này đương sự có yêu cầu giải quyết thì sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về tài sản chung: Anh N xác định giữa anh và chị T không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do không ghi nhận được ý kiến của chị T về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu sau này đương sự có yêu cầu giải quyết thì sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về nợ chung: Anh N xác định giữa anh và chị T không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do không ghi nhận được ý kiến của chị T về nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu sau này đương sự có yêu cầu giải quyết thì sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Về án phí: Nguyên đơn anh N phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Văn N.

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Trần Văn N và chị Diệp Thúy T.

- Về con chung: Giao cháu Trần Gia Hưng, sinh ngày 06/4/2015 cho chị Diệp Thúy T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Trần Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hưng mà không ai được cản trở; anh N có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu Hưng được sống chung với chị T.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

1. Án phí: Anh Trần Văn N phải chịu án phí số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Ngày 21/3/2022 anh N đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004548 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, được đối trừ chuyển thu.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

2. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn anh Trần Văn N và bị đơn chị Diệp Thúy T có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**(đã ký)**

**Lê Thị Hồng Hà**